

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	397.348.401.732	478.009.051.453
03	2. Các khoản giảm trừ		6.960.838	6.417.480
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		397.341.440.894	478.002.633.973
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	369.356.156.152	449.474.507.693
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.985.284.742	28.528.126.280
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	2.429.193.486	4.600.144.497
22	7. Chi phí tài chính	6.4	(30.005.556)	524.286.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		44.994.444	149.286.000
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	9.748.794.878	9.664.797.454
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	7.242.589.180	6.572.906.454
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.453.099.726	16.366.280.869
31	11. Thu nhập khác		35.391.649	252.577.207
32	12. Chi phí khác		-	44.500.000
40	13. Lợi nhuận khác		35.391.649	208.077.207
50	14. Lợi nhuận/lỗ của công ty liên kết, liên doanh		-	-
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.488.491.375	16.574.358.076
61	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.7	3.389.665.148	4.158.912.701
62	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.8	5.681.818	5.681.818
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.093.144.409	12.409.763.557
	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập của cổ đông của công ty mẹ		10.093.144.409	12.409.763.557
71	19. Lợi nhuận từ hoạt động thông thường		10.093.144.409	12.409.763.557
80	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.9	1.923	3.405

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2012.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THU VÂN

LÊ THỊ MỘNG ĐIẾP

LÊ VĂN MỸ

